

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	CTR	Chất thải rắn
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	GPMT	Giấy phép môi trường
6	MT	Môi trường
7	NXB	Nhà xuất bản
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	3
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	4
2. Tên dự án đầu tư:	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	6
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	8
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	8
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP_BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	9
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	11
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	12
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	12
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	12
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	13
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	13
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	15
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	15
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:	15
Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	16
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	16
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	17
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	17
Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	19
PHỤ LỤC BÁO CÁO	20

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH

Bảng 1.1. Nhu cầu thức ăn cho trang trại.....	6
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Dự án	7
Bảng 3.1. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường.....	14
Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại	5
Hình 2.1. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải	10

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Hộ ông Phạm Ngọc Lợi

- Địa chỉ văn phòng: Thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Phạm Ngọc Lợi.

- Điện thoại: 0936.204.288

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 406606; UBND huyện Vĩnh Linh đã xác nhận triển khai dự án.

2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi lợn thịt công nghệ cao tại thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Chủ đầu tư tự phê duyệt và tự chịu trách nhiệm.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 23/3/2021.

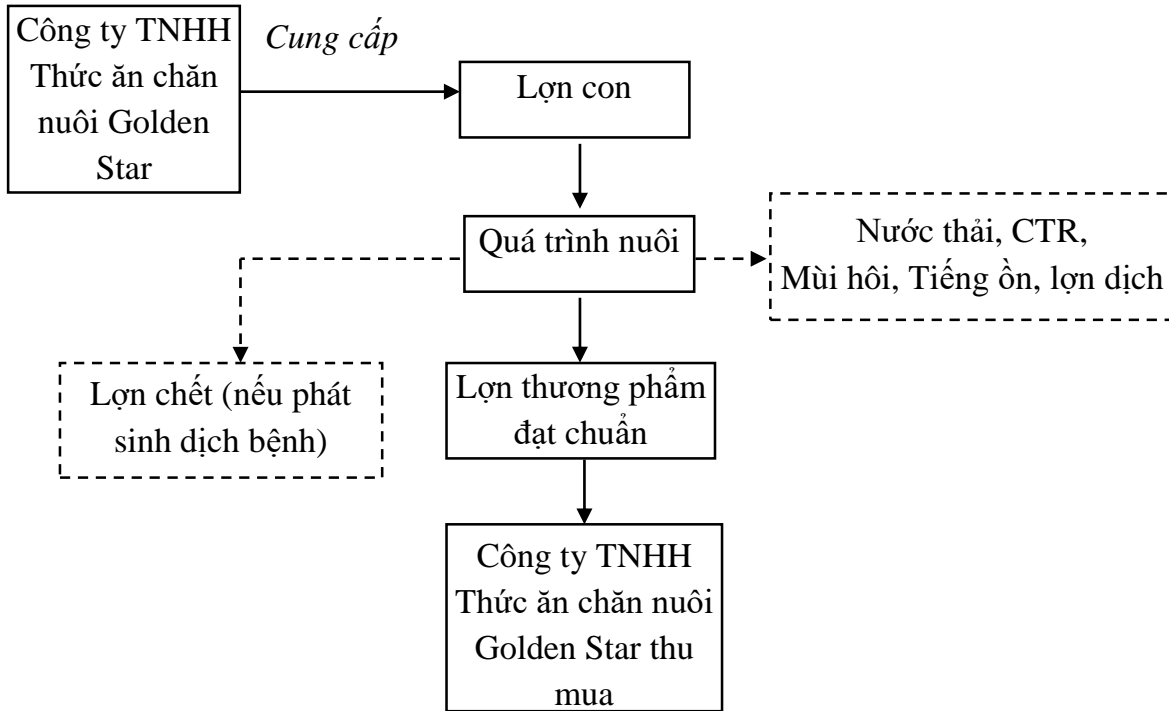
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có Tổng mức đầu tư xây dựng Dự án: **10.000.000.000 đồng**, sử dụng vốn tự có và vốn vay ngân hàng. Thuộc Dự án nhóm C theo Tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư: 10.000 con lợn thịt x 2,5 lứa/năm. Nay điều chỉnh thành 7.000 con lợn thịt/lứa.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quy trình chăn nuôi của Dự án được mô tả trong sơ đồ tổng thể sau:



Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại

Dự án hoạt động theo hình thức liên kết chăn nuôi gia công lợn thương phẩm (chỉ nuôi lợn thịt không có lợn sinh sản), trong đó lợn con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star cung cấp. Chủ Cơ sở có nhiệm vụ xây dựng chuồng trại theo đúng yêu cầu của Công ty, trang bị các dụng cụ đựng thức ăn, vệ sinh chuồng trại và chăm sóc lợn từ lúc nhập chuồng cho đến khi xuất. Toàn bộ hệ thống chuồng trại được xây dựng và chăn nuôi theo công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh khép kín.

Lợn con khi nhập về sẽ được kiểm tra nhằm đảm bảo không bị bệnh, lợn có trọng lượng từ 5-6kg/con. Lợn sẽ được nuôi từ 4 - 5 tháng khi trọng lượng đạt từ 95-100 kg tiến hành xuất chuồng (ở mức thể trọng này phẩm chất thịt ngon nhất).

Đồng thời, trong quá trình nuôi lợn sẽ thường xuyên được tiêm phòng hạn chế dịch bệnh gồm: tiêm các loại vaccine thông thường (Dịch tả, FMD), riêng đối với bệnh Phó thương hàn tiêm cho lợn trong thời kỳ lợn con theo mẹ. Ngoài ra, tổ chức vệ sinh và sát trùng chuồng trại tốt trong suốt quá trình nuôi.

Khi lợn đạt tiêu chuẩn xuất chuồng từ 95-100kg tiến hành xuất chuồng và lúc này Công Ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star sẽ thu mua và bán ra thị trường.

(Nguồn: Theo quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star)

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: Lợn thịt: 10.000 con x 2,5 lứa/năm x 100kg/con = 2.500 tấn/năm.

Nay điều chỉnh thành: 7.000 con x 2,5 lứa/năm x 100kg/con = 1.750 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Về con giống: Dự án Chăn nuôi lợn thịt thương phẩm theo hình thức liên kết với công ty, trong đó lợn con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star cung cấp. Chủ Cơ sở có nhiệm vụ xây dựng chuồng trại theo đúng yêu cầu, trang bị các dụng cụ đựng thức ăn, vệ sinh chuồng trại và chăm sóc lợn từ lúc nhập chuồng cho đến khi xuất.

4.2. Nhu cầu thức ăn chăn nuôi: Nguồn thức ăn được cung cấp bởi Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star, theo từng thời kỳ phát triển lợn sẽ có nhu cầu, khối lượng thức ăn thích hợp. Với quy mô 7.000con/ lứa (lợn thịt) lượng thức ăn sử dụng trong ngày khoảng 16,8tấn/ngày (định mức sử dụng trung bình khoảng 2,4kg/con). Trong đó, chế độ cho lợn ăn từ lúc lợn con đến khi xuất chuồng như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu thức ăn cho trang trại

TT	Trọng lượng lợn (kg)	Loại lợn	Nhu cầu thức ăn (kg/con/ngày)	Khối lượng (tấn/ngày)
1	6,0-10	Lợn con	0,15-0,4	4
2	10-25	Lợn con	0,4-0,7	7
3	25-60	Lợn lứa	0,7-1,3	13
4	60kg đến xuất chuồng	Lợn thịt	1,3-2,4	24
Tổng				48

Nguồn: Quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp của Công ty Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star

4.3. Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin: Chúng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc - xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam). Về liều lượng sử dụng theo chỉ định của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star.

- Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: dịch tả (Samonella), tụ huyết trùng, phó thương hàn. Ngoài ra, Trại có sử dụng một số loại vắc - xin khác như thuốc chủng ngừa F.M.D, Giả dại (Aujeszky), Dấu son, ...

- Các hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại và các loại thuốc thú y chủ yếu gồm: vôi, Lavecide, Benkocid, Chloramin...

- Thuốc tẩy ký sinh trùng: Ivermectin, Doramectin.

- Thuốc kháng sinh: Oxytetracyclin, Tetracyclin, Ampicyclin, ...

- Thuốc kháng sinh lở mồm long móng: Hanmolin LA, Han-Clamox.

Nguồn cung cấp: Đây là các loại hóa chất được cho phép sử dụng rộng rãi trên thị trường, do Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star cung cấp.

Số lượng thuốc thú y, vắc xin Trang trại sử dụng ước tính khoảng 10-15 kg/năm.

4.4. Nhu cầu sử dụng điện

- Điện năng được sử dụng cho các mục đích: thi công, chiếu sáng, sưởi ấm, bơm nước, làm lạnh, thắp sáng, sinh hoạt... Nguồn cung cấp điện: Dự án sử dụng nguồn điện lưới đầu nối với lưới điện 3 pha của địa phương để hoạt động.

- Khi mất điện sẽ sử dụng máy phát điện Dự phòng.

4.5. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu nước sinh hoạt: Một người sử dụng khoảng 100 lít nước mỗi ngày, do đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính toán như sau: 20 người × 100 lít/người/ngày = 2 m³/ngày.

- *Nước sản xuất:* bao gồm nước cấp cho vệ sinh chuồng trại, nước cho lợn uống được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Dự án

TT	Loại nước	Số lượng (con)	Định mức (*) (lít/con/ngày)	Tổng (lít/ngày)
1	Nước uống lợn thịt	7.000	10	70.000
2	Nước rửa chuồng	(**)7.000	20	140.000
Tổng				210.000

(*) *Nguồn:* TS. Trần Duy Khanh, Chủ tịch liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật

Như vậy, lượng nước sử dụng cho hoạt động chăn nuôi lợn của Trang trại khoảng 210 m³/ngày.

- Nguồn cung cấp nước: Chủ Dự án sẽ tiến hành khoan giếng ở khu vực Trang trại để lấy nước cung cấp cho Dự án. Qua kết khảo sát cũng như lấy mẫu đánh giá chất lượng nước dưới đất khá tốt. Chất lượng nước đảm bảo cho hoạt động chăn nuôi của trang trại theo QCVN 01-39:2011/BNNPTNT - QCKTQG về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi; đối với mục đích sinh hoạt thì có hệ thống bể lọc xử lý đảm bảo. Chủ dự án lập hồ sơ xin cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo đúng quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 13/5/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết Luật tài nguyên nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt xem xét, thẩm định và phê duyệt cấp phép.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

- Hình thức quản lý Dự án: Chủ dự án là Hộ ông Phạm Ngọc Lợi trực tiếp quản lý Dự án.

- Thời gian thực hiện Dự án là 40 năm, kể từ ngày được thuê đất.

- Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:

+ Thời gian làm việc 365 ngày/năm.

+ Số lượng CBCNV giai đoạn hoạt động trực tiếp là 20 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

- Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3903/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;

- Chủ dự án được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 406606, mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác.

- Nội dung khác không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa trong khuôn viên nhà nuôi và tầng mái: được thu gom tách biệt với nước thải bằng 07 tuyến mương dẫn BTXM nằm giữa 02 khu nhà nuôi, mỗi mương dài 56m, cuối mỗi tuyến có bố trí 01 hố ga để lược rác và lắng cát, sau đó thoát ra ngoài khe suối phía Tây Bắc bằng đường ống nhựa PVC có D=200mm;

- Nước mưa ngoài cơ sở (chủ yếu khu vực hồ biogas) được thu gom bằng các mương đất kết hợp gờ xây bằng gạch không nung (đón nước không cho đổ vào trong khuôn viên) chiều sâu và rộng trung bình (0,5m x 0,5m), sau đó thoát ra ngoài khe suối phía Tây Bắc bằng ống đường ống nhựa PVC có D=200mm;

- Hình thức thoát nước mưa: tự chảy theo hướng nghiêng của địa hình ra khe suối phía Tây Bắc khu vực.

(Sơ đồ tuyến thoát nước mưa kèm theo ở phụ lục)

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Các công trình thu gom nước thải chăn nuôi đã xây dựng: Dự án đã xây dựng toàn bộ hệ thống máng gom BTXM sau đó bố trí 01 ống thu bằng nhựa PVC D= 140mm dẫn vào 01 hố ga kết hợp thu nước (có 17 hố ga), sau đó bố trí đường ống PVC có D = 200mm dẫn xuống hầm chứa để tách phân bằng hệ thống máy tách. Sau khi được tách phân, phần nước thải sẽ được chứa ở các bể gom kết hợp lắng, điều hòa lưu lượng, sau đó được bơm vào hồ biogas, qua quá trình xử lý đảm bảo Quy chuẩn quy định để xả thải.

- Công trình thoát nước thải: Cuối hồ sinh học số 03, sẽ bố trí 01 ống nhựa PVC D=200mm, dài 10m vượt qua bờ tường bao của hồ sinh học để dẫn thải ra hồ nước tự nhiên trong khuôn viên Dự án tiếp giáp phía Tây Bắc khu đất.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Vị trí xả thải sau khi qua hệ thống xử lý nằm ở góc phía Tây Nam khu đất, đây là điểm đầu của hồ nước tự nhiên thuộc diện tích đất cấp cho Dự án, nước thải sau khi hòa trộn với nguồn nước hồ sẽ chảy theo hướng nghiêng địa hình khe suối có hướng Tây Nam – Đông Bắc.

Chủ dự án sẽ bố trí điểm xả thải đảm bảo dễ quan sát, dễ thao tác lấy mẫu; nguồn tiếp nhận nước thải là hồ nước tự nhiên trong khuôn viên nên cũng góp phần phân hủy

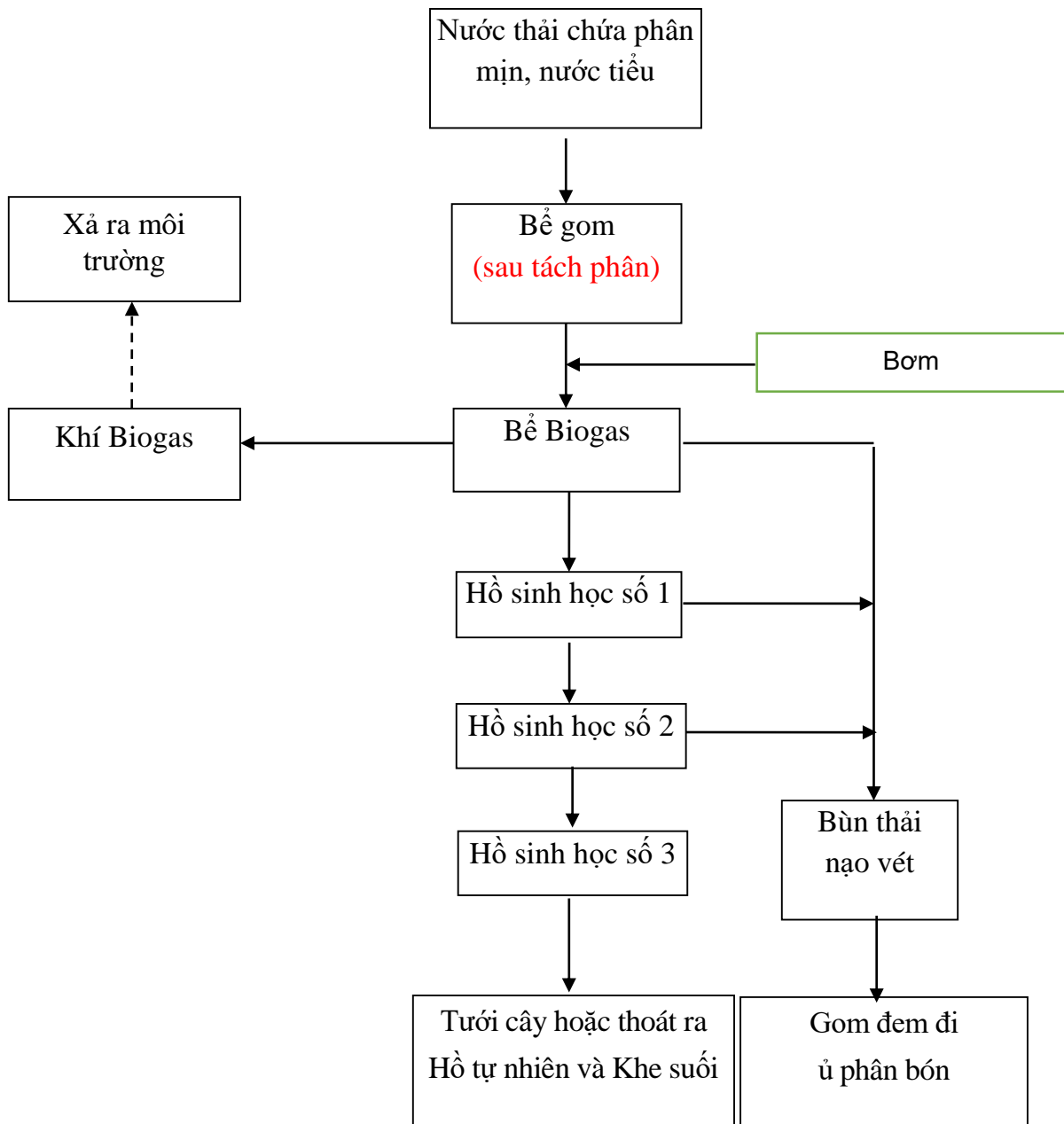
sinh học chất ô nhiễm ngoài tự nhiên sau khi qua hệ thống xử lý, hồ nước tự nhiên vừa tạo cảnh quan, kết hợp nuôi cá, có thể giúp Chủ dự án theo dõi diễn biến chất lượng nước thải bằng cảm quan sau xử lý hiệu quả hơn.

(Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên kèm theo ở phụ lục)

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Nước thải sản xuất:

- Chức năng: xử lý nước thải chăn nuôi.
- Công suất: xử lý lượng nước thải chăn nuôi phát sinh khoảng 210 m³/ngày đêm.
- Quy trình vận hành:



Hình 2.1. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

** Thuyết minh chi tiết:*

- Nước thải từ khu chuồng nuôi lợn thịt được thu gom (tự chảy) vào hầm chứa phân, sau công đoạn tách phân, phần nước sẽ được chứa vào bể gom kết hợp lắng sau đó bơm vào hầm biogas bằng máy bơm công suất 4kW/5,5hp.

- Nước thải từ hầm biogas được thu gom (tự chảy) lần lượt qua 03 hồ sinh học bằng ống nhựa PVC có D= 200mm, hồ sinh học được thả bèo tây để tiếp tục quá trình xử lý trước khi thải ra ngoài hồ nước tự nhiên trong khuôn viên phía Tây Bắc Dự án.

- Kích thước các hạng mục:

+ 01 hầm biogas thể tích 9.360m³, kích thước: 52m x 30m x 6m

+ 03 hồ sinh học; mỗi hồ có thể tích 7.500m³, kích thước: 50m x 25m x 6m

- Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng: Quá trình xử lý sẽ tiến hành kết hợp phun tiêu độc, khử trùng chế phẩm khử mùi EM định kỳ 02 lần/tuần.

- Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành: Hệ thống vận hành theo chế độ tự chảy là chủ yếu. Tại hồ tách phân sử dụng 01 bơm nước công suất 4Kw/5,5hp, tiêu hao điện năng khoảng 4kWh, ngày hoạt động khoảng 8h.

- Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: Với công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi áp dụng tại Trang trại sẽ làm giảm thiểu hàm lượng các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, giảm các vi sinh vật gây bệnh và đảm bảo theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, K_q=0,9; K_f=1,2) trước khi thải ra môi trường.

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác: Đối với nước thải sinh hoạt của 20 CBCNV sử dụng nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn đã xây dựng ở giai đoạn thi công. Với thể tích hầm tự hoại 10 m³.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến CBCNV và môi trường xung quanh như sau:

- Chuồng trại được xây dựng thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải kín hoàn toàn đảm bảo mùi hôi không phát sinh.

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Xử lý phân bằng máy tách phân, phần còn lại bằng hầm biogas, không để tồn đọng lâu ngày;

- Trồng cây xanh (keo lá tràm, cây cảnh, cây ăn quả, cây cao su) trong khuôn viên khu vực, diện tích trên 20% tổng diện tích trang trại.

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 11 lần /ngày), phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần).

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV: 02 bộ/năm.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt: đã bố trí 01 thùng đựng rác loại 120L tại khu nhà ở của CBCNV, định kỳ hợp đồng Trung tâm Môi trường và Công trình đô thị huyện Vĩnh Linh thu gom, xử lý.

- Thu gom xử lý CTR sản xuất: bao bì thức ăn được thu gom bán phế liệu;

- CTR là phân thải:

+ Phân thải từ các chuồng nuôi được thu gom về bể chứa phân (dạng dung dịch sệt), tại đây sẽ bố trí họng hút đưa phân lên máy ép tách phân, phần bã rắn sẽ được ép khô độ ẩm khoảng 10-15% sau đó đóng bao và bán cho các đơn vị sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh trong và ngoài tỉnh. Phần nước tự chảy qua bể gom kết hợp lắng sau đó được bơm qua hồ Biogas để xử lý.

+ Bùn nạo vét từ hầm biogas khoảng 2 năm/lần, được thu gom và xử lý như phân thải, một phần được phơi ủ để bón cho các cây trồng trong khuôn viên Trang trại.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động của trang trại ước tính khoảng 5-7kg/tháng và tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, lợn chết do dịch bệnh...

- Chất thải nguy hại: Vỏ hộp thuốc thú y, bóng đèn vỡ,...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho và định kỳ hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý.

- Đối với lợn chết: Dự án đã tiến hành xây dựng hố xử lý tiêu hủy bằng bê tông cốt thép, kích thước hố chôn (8,4 x 4,1 x 3,38)m/hố. Dự kiến khi có lợn chết sẽ thu gom, để vào hố và sử dụng các hóa chất tiêu độc, khử trùng theo đúng quy định của Cơ quan thú ý.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con lợn có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

- Sự cố mưa bão: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; Có phương án phòng chống và ứng phó khi mưa bão xảy ra.

- Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,..quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn,...

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án đã thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố. Hiện tại đã có 01 hầm biogas và hệ thống 03 hồ sinh học, thời gian lưu nước tại hầm biogas khoảng 45 ngày, tại mỗi hồ sinh học khoảng 35 ngày. Do đó khi có sự cố hư hỏng ở một trong các hạng mục vẫn đảm bảo được công tác lưu trữ, xử lý và có đủ thời gian để Chủ cơ sở khắc phục sửa chữa các hư hỏng.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Các nội dung thay đổi của Dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường như sau:

Bảng 3.1. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường

STT	Nội dung điều chỉnh	Theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nội dung sau điều chỉnh	Các tác động môi trường từ việc thay đổi
1	Điều chỉnh quy mô dự án: - Số lượng chuồng nuôi: - Số lượng lợn nuôi/lứa: - Bố trí mặt bằng:	- 08 chuồng - 10.000 con lợn thịt - Không có hồ sinh thái	- 06 chuồng - 7.000 con lợn thịt. - Có hồ sinh thái.	Thay đổi giảm quy mô công suất nên giảm thải lượng các chất thải, qua đó giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường so với đánh giá trước. Việc bổ sung thêm hồ sinh thái trong khuôn viên mang lại cảnh quan và các tác động tích cực cho Dự án.
2	Xử lý phân thải, bùn nạo vét từ hầm biogas	Thu gom và ủ phân	Khu vực đặt máy tách phân.	Tăng cường hiệu quả xử lý chất thải; hiệu quả kinh tế cho Dự án.
3	Xử lý nước thải chăn nuôi	- 02 hồ biogas kích thước mỗi hồ: 50m x 30m, sâu 4,5m (tổng thể tích 13.500m ³) - 02 hồ sinh học kích thước mỗi hồ: 50m x 25m x 5m (tổng thể tích 12.500m ³)	- 01 hồ biogas kích thước 52 m x 30m x 6m (thể tích 9.984m ³) - 03 hồ sinh học; Kích thước mỗi hồ: 50m x 25 m x 6m (tổng thể tích 22.500m ³) - Làm đê bao tạo hồ nước tự nhiên trong khuôn viên phía Tây Bắc khu đất.	Vẫn đảm bảo quy trình công nghệ, công suất xử lý, phù hợp với quy mô dự án 7.000 con/lứa, kế hoạch hoạt động sản xuất của Dự án. Vừa tạo sinh thái cảnh quan, kết hợp xử lý sinh học tự nhiên và giúp cho Chủ Dự án theo dõi bằng cảm quan chất lượng nước thải sau xử lý.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nguồn phát sinh nước thải chăn nuôi:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 210m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải đề nghị cấp phép, là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là hồ nước tự nhiên trong khuôn viên phía Tây Bắc dự án.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Với lượng nước thải của Trang trại là 210m³/ngày, xả thải ra khe suối không có thông số đo lưu lượng, không phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên tiêu chuẩn xả thải của Trang trại là QCVN 62-MT:2016/BTNMT-QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1, Kq=0,9).

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: X=1875.984m; Y = 570.563m (hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3⁰, KTT 106⁰, 15').

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ nước tự nhiên trong khuôn viên phía Tây Bắc dự án.

1.2. Nguồn số 02: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.

Đối với nước thải sinh hoạt của 20 CBCNV lượng rất nhỏ, khoảng 2 m³/ngày đêm (<5m³/ngày đêm); nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn thể tích 10m³. Theo quy định đối với các nguồn thải nhỏ (<5m³/ngày đêm) và xử lý bằng bể tự hoại hợp khối thì được miễn đăng ký môi trường và miễn vận hành thử nghiệm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:

Không có

Chương V
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, Chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

Trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Đối với Dự án sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Chủ Dự án gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm kéo dài 03 tháng.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu: 18 mẫu, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất (75 ngày): 5 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 05 mẫu đầu ra (ở hồ sinh học cuối cùng);

+ Giai đoạn ổn định (07 ngày tiếp theo): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 07 mẫu đầu ra (ở hồ sinh học cuối cùng);

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Công ty TNHH TNMT Minh Hoàng hoặc Đơn vị khác có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Số lượng giám sát: 02 mẫu nước thải.

- Vị trí giám sát:

+ Mẫu NT1 nước thải trước hệ thống xử lý.

+ Mẫu NT2 nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi xả thải ra môi trường.

- Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng thải, pH, SS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi;

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

* *Giám sát CTR, CTNH:*

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại

- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Số lần	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Chi phí nhân công điều tra, khảo sát					1.845.600	Đơn giá nhân công theo QĐ 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị
1	Công lấy mẫu	Công	2	4	230.700	1.845.600	
II	Chi phí phân tích, đo đạc,					12.448.000	
1	Kinh phí phân tích nước thải					9.648.000	
	Vận tốc (để xác định lưu lượng thải)	Mẫu	2	4	133.000	1.064.000	Đơn giá theo QĐ

	pH	Mẫu	2	4	102.000	408.000	36/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị
	TSS	Mẫu	2	4	289.000	1.156.000	
	COD	Mẫu	2	4	334.000	1.336.000	
	BOD5	Mẫu	2	4	314.000	1.256.000	
	Tổng N	Mẫu	2	4	409.000	1.636.000	
	Coliform (TCVN 6187-1:2009)	Mẫu	2	4	698.000	2.792.000	
2	Xăng xe đi lấy mẫu	Chuyến	1	4	700.000	2.800.000	<i>Chi phí thực tế</i>
III	<i>Xây dựng báo cáo chuyên đề và tổng hợp</i>					18.000.000	
	Báo cáo chuyên đề về giám sát quản lý chất thải rắn	B/cáo	1	1	5.000.000	5.000.000	
	Báo cáo chuyên đề về quản lý chất thải khác và phòng ngừa, ứng phó sự cố	B/cáo	1	1	5.000.000	5.000.000	
	Báo cáo tổng hợp công tác BVMT	B/cáo	1	1	8.000.000	8.000.000	
IV	Tổng cộng chi phí trước thuế (I+II+III)					32.293.600	
V	Thuế VAT 8%					2.583.488	
VI	Tổng dự toán					34.877.000	

Bằng chữ: ba mươi tư triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình đi vào hoạt động của Trại lợn, Chủ dự án là Hộ ông Phạm Ngọc Lợi cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; Tiêu chuẩn theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 26/2016/BYT.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc); QCVN 26:2016/BYT - QCKTQG về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 08 - MT:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi; QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - QCKTQG điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

- Chủ dự án cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.